

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ - ST

Ngày 23/9/2021

Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Đắc.

Bà Phan Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1980;

- Bị đơn: Anh Mai Văn S, sinh năm 1979;

Cùng có địa chỉ: Thôn TT, xã QL, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

Chị Võ Thị Đ có mặt, anh Mai Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2021, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Đ và anh Mai Văn S chung sống vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/3/2008 tại UBND xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, anh S thường xuyên uống rượu và đánh đập chị Đ. Năm 2019, chị Đ có làm đơn ly hôn nhưng vì thương các con nên chị Đ đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh S vẫn không thay đổi, chứng nào tật nấy, vẫn thường

xuân uống rượu rồi đánh đập vợ và các con. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Mai Văn S.

- Về con chung: Chị Võ Thị Đ và anh Mai Văn S có ba con chung: Mai Văn S1, sinh ngày 07/4/2009, Mai Thị Kim V, sinh ngày 11/6/2011 và Mai Văn C, sinh ngày 25/6/2015; các cháu hiện nay đang đi học và sống cùng với vợ chồng chị Đ, anh S tại thôn Tứ Trung, xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tại phiên tòa, chị Đ tiếp tục có nguyện vọng được nuôi cả ba con, rút một phần yêu cầu cấp dưỡng cho con và chỉ yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với số tiền mỗi tháng là 700.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu thành niên.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đ trình bày hiện nay vợ chồng chị không có các khoản nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành nhiều văn bản tố tụng và giải thích, tổng đạt các văn bản đó cho các đương sự. Tuy nhiên, anh S không hợp tác, cố tình trốn tránh và không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải mặc dù đã được nhận hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh, lấy lời khai của anh Mai Văn S ngoài trụ sở Tòa án thể hiện: Vợ chồng chị Đ và anh S, hiện nay, có nhiều mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường hay uống rượu rồi về nhà đánh đập vợ và các con; chị Đ cũng đã có lần báo cáo chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết nhưng không có kết quả. Về các yêu cầu khởi kiện của chị Đ, anh S đồng ý ly hôn với chị Đ, đồng ý giao cả ba con là Mai Văn S1, Mai Thị Kim V và Mai Văn C cho chị Đ nuôi dưỡng; tuy nhiên, về yêu cầu cấp dưỡng, anh S cho rằng hiện nay anh làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, thu nhập cao nhất chỉ khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên anh không có khả năng cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị Đ. Anh Mai Văn S không có yêu cầu phản tố trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Mai Văn S vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do chính đáng và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc ly hôn anh S; về con chung, đề nghị giao con chung là Mai Văn S1, sinh ngày 07/4/2009, Mai Thị Kim V, sinh ngày 11/6/2011 và Mai Văn C, sinh ngày 25/6/2015 cho chị Đ nuôi, buộc anh S cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung, chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Mai Văn S, sinh năm 1979, trú tại thôn Tứ Trung, xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Theo đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền.

1.2. Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đương sự: Anh Mai Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không hợp tác; không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải để Tòa án hòa giải đoàn tụ nên Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật tố tụng để xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại các phiên tòa, anh S vắng mặt nhưng không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Mai Văn S.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Đ và anh Mai Văn S chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2008 tại UBND xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 9,10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã được Tòa án xem xét giải quyết đoàn tụ một lần, được chính quyền địa phương can thiệp nhưng mâu thuẫn đó vẫn tồn tại. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh S thường hay uống rượu và nhiều lần đánh đập chị Đ. Điều đó làm ảnh hưởng đến tình nghĩa vợ chồng, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, trong đó có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ kiên quyết xin ly hôn; anh Mai Văn S, qua lời khai của mình cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Đ và anh S.

2.2. Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con:

Khi ly hôn, chị Võ Thị Đ có nguyện vọng được nuôi cả 03 con gồm: Mai Văn S1, sinh ngày 07/4/2009, Mai Thị Kim V, sinh ngày 11/6/2011 và Mai Văn C, sinh ngày

25/6/2015; anh Mai Văn S đồng ý với yêu cầu của chị Đ. Xét thấy các cháu S1, V, C đang trong giai đoạn phát triển, hoàn thiện về thể chất, nhận thức, tâm sinh lý và các cháu S1, V cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ khi ba và mẹ cháu ly hôn; tại thời điểm giải quyết vụ án, chị Võ Thị Đ không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên cần giao cả 03 cháu cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, nhận thức, tâm sinh lý và tình cảm giữa các cháu; phù hợp với nguyện vọng của các cháu S1, V và sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đ, anh S trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về cấp dưỡng cho con:

Về quyền yêu cầu cấp dưỡng: Anh Mai Văn S không trực tiếp mà đồng ý để chị Võ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Mai Văn S1, sinh ngày 07/4/2009, Mai Thị Kim V, sinh ngày 11/6/2011 và Mai Văn C, sinh ngày 25/6/2015 cho đến khi các cháu thành niên. Do đó, khi trực tiếp nuôi các con, chị Đ có yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng cho con phải phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các con và khả năng cấp dưỡng thực tế của người cấp dưỡng là anh Mai Văn S.

Xét nhu cầu thiết yếu của các cháu thì thấy rằng: Các cháu Mai Văn S1, Mai Thị Kim V và Mai Văn C đang trong giai đoạn phát triển về thể chất, tâm thần; có các nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám chữa bệnh và các nhu cầu sinh hoạt thông thường khác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương. Và cũng cần khẳng định rằng, với môi trường sống như nhau, trong giai đoạn chưa thành niên, các cháu có độ tuổi lớn hơn cần có chi phí cho nhu cầu thiết yếu cao hơn để đảm bảo được sinh hoạt thông thường của cháu. Theo đó, cháu V sẽ nhận được mức cấp dưỡng cao hơn cháu C và trong 03 cháu thì cháu S1 có mức cấp dưỡng cao nhất.

Xét khả năng cấp dưỡng thực tế của anh Mai Văn S thì thấy: Anh Mai Văn S làm nông nghiệp tại xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tuy không ổn định nhưng vẫn được xác định là lao động có thu nhập và anh S có khả năng cấp dưỡng cho con trên thực tế. Với mức thu nhập không ổn định, cao nhất khoảng 5.000.000 đồng/tháng, anh S phải có nghĩa vụ trích một phần thu nhập để cấp dưỡng cho con, phần còn lại để duy trì cuộc sống, khả năng lao động và đảm bảo các nhu cầu thiết yếu khác của anh S là phù hợp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Mai Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con với những mức cấp dưỡng khác nhau và không vượt quá mức cấp dưỡng mà chị Võ Thị Đ yêu cầu là phù hợp với các quy định pháp luật về cấp dưỡng, phù hợp với khả năng cấp dưỡng thực tế của anh S nhằm đáp ứng một phần chi phí cho nhu cầu thiết yếu của các cháu Mai Văn S1, Mai Thị Kim V và Mai Văn C, để

cùng với sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị Đ, tạo sự phát triển, hoàn thiện tốt hơn về thể chất, tinh thần của các cháu.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu xem xét, phân chia tài sản chung của vợ chồng và trình bày hiện nay vợ chồng không có các khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Võ Thị Đ và anh Mai Văn S. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- **Về người trực tiếp nuôi con:** Chị Võ Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mai Văn S1, sinh ngày 07/4/2009, cháu Mai Thị Kim V, sinh ngày 11/6/2011 và cháu Mai Văn C, sinh ngày 25/6/2015 cho đến khi các cháu thành niên.

- **Về cấp dưỡng cho con:** Anh Mai Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đẻ chị Võ Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mai Văn S1, cháu Mai Thị Kim V và cháu Mai Văn C, với mức cấp dưỡng cụ thể như sau:

Cấp dưỡng cho cháu Mai Văn C với số tiền mỗi tháng là 500.000;

Cấp dưỡng cho cháu Mai Thị Kim V với số tiền mỗi tháng là 600.000 đồng;

Cấp dưỡng cho cháu Mai Văn S1 với số tiền mỗi tháng là 700.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Mai Văn S1, Mai Thị Kim V và Mai Văn C thành niên.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, anh Mai Văn S còn phải chịu tiền lãi của số tiền cấp dưỡng chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

3. Về Án phí:

- Chị Võ Thị Đ có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012423, ngày 12/7/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Anh Mai Văn S có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*Để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Phúc